TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DSST
Ngày: 20-4-2018
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nhàn;
2. Bà Lê Thị Cẩm Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, ủy quyền cho anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố X, thị trấn C, huyện M, tỉnh Bến Tre theo Giấy ủy quyền đề ngày 05 tháng 3 năm 2018.

2. *Bị đơn*: Bà Trần Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Huỳnh Văn X, sinh năm 1953; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, ủy quyền cho bà Trần Thị T, sinh năm 1947; địa chỉ: ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre theo Giấy ủy quyền đề ngày 23 tháng 3 năm 2018.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn P trình bày:

Ngày 29 tháng 9 năm 2016, bà Trần Thị N có viết giấy mượn bà Trương Thị T số tiền 20.000.000 đồng để làm kinh tế gia đình, hẹn đến tháng 02 năm 2017 trả. Hai bên có thỏa thuận bằng lời nói về lãi suất là 1,5%/tháng. Từ khi mượn tiền đến nay, bà N không trả lãi cũng không trả vốn gốc. Nay bà T yêu cầu bà N cùng chồng là ông Huỳnh Văn X liên đới trả số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh P tự nguyện rút yêu cầu tính lãi.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải không thành ngày 23 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Trần Thị N trình bày:*

Ngày 29 tháng 9 âm lịch năm 2016, bà N có viết giấy mượn của bà Trương Thị T 20.000.000 đồng để trả nợ cho người khác. Giấy mượn tiền do bà N viết có nội dung đúng như chứng cứ mà bà T đã cung cấp cho Tòa án. Hai bên có thỏa thuận tiền lãi mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Bà N đã trả tiền lãi cho bà T được bốn tháng là 8.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng bà N đã trả cho bà T vào ngày 20 tháng 6 âm lịch năm 2017 nhưng đến tại phiên tòa sơ thẩm bà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà N trả 20.000.000 đồng nợ gốc, bà N không đồng ý vì bà đã trả tiền xong, không còn nợ bà T nữa.

** Tại biên bản hòa giải không thành ngày 23 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn X là bà Trần Thị T trình bày:*

Việc bà N vay mượn tiền của bà T thì ông X không biết. Ông X chỉ biết việc bà N vay tiền của bà T khi bà T đến nhà đòi tiền lãi nhưng ông X có nghe bà N nói là đã trả tiền cho bà T xong nên ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị T và nội dung tranh chấp cần phải giải quyết, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp:*" Hợp đồng vay tài sản* " được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Quyền và lợi ích hợp pháp theo hợp đồng của bà Trương Thị T bị xâm hại vào tháng 02 năm 2017, đến tháng 03 năm 2018 bà T khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

Theo xác nhận đề ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Công an xã T, huyện M thì bị đơn Trần Thị N hiện đang đăng ký thường trú và đang cư trú tại ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

[2] Về nội dung giải quyết:

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị T, Hội đồng xét xử thấy xét thấy:

Qua hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự khai thống nhất nhau là vào ngày 29 tháng 9 năm 2016, bà Trần Thị N có lập văn bản mượn của bà Trương Thị T số tiền 20.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định tình tiết này là có thật, các bên đương sự không phải chứng minh.

Ngoài tình tiết nêu trên, các bên có thỏa thuận bằng lời nói về lãi suất vay. Phía bà T cho rằng lãi suất vay là 1,5%/tháng còn bà N thì khai lãi suất vay là 2.000.000 đồng mỗi tháng trên số tiền vốn gốc 20.000.000 đồng (tức 10%/tháng). Bà N cho rằng đã trả tiền lãi bốn tháng là 8.000.000 đồng và đã trả xong số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng vào ngày 20 tháng 6 âm lịch năm 2017. Tòa án đã thông báo cho bà N giao nộp chứng cứ để chứng minh những tình tiết mà bà đã nêu nhưng đến tại phiên tòa sơ thẩm, bà N không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh; phía nguyên đơn không thừa nhận những tình tiết mà bà N đã nêu nên lời khai của bà N là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị T là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn Trần Thị N trả cho bà Trương Thị T số tiền 20.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do ông Huỳnh Văn X và bà Trần Thị N đang tồn tại hôn nhân hợp pháp, mục đích của việc bà N vay tiền là để trả nợ chung của vợ chồng nên buộc ông Huỳnh Văn X có nghĩa vụ liên đới cùng bà N trả nợ cho bà T theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

Đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trương Thị T tự nguyện rút yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[3] Về án phí:

Trong vụ án này, bà N và ông X là người có lỗi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N và ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự có giá ngạch 5% trên tổng số tiền phải trả nợ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 24 và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuy nhiên, theo xác nhận đề ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã T thì bản thân ông X là Thương binh; bà N và ông X là thân nhân của Liệt sỹ Huỳnh Văn T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết nêu trên để miễn nộp tiền án phí cho bà N và ông X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị T.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Trần Thị N và ông Huỳnh Văn X liên đới trả cho bà Trương Thị T số tiền 20.000.000(hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trương Thị T, nếu bà Trần Thị N và ông Huỳnh Văn X chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi trên nợ gốc của nguyên đơn Trương Thị T.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị N và ông Huỳnh Văn X được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trương Thị T 584.000(năm trăm tám mươi bốn nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0014746 ngày 02/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự đều có mặt có quyền làm đơn kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

5. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu H. sơ + V. phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Chí Nhân